

Bản án số: 373/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Văn Vân

2- Ông Võ Văn Dương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1686/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 149, đường B, tổ 05, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lý Văn M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 149, đường B, tổ 05, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 29/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà với ông Lý Văn M tự nguyện tìm hiểu, quen nhau và tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2013, đã có 01 con chung, nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2017, ngày 28/02/2017. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc, nhưng những năm gần đây cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông M không có trách nhiệm chăm lo gia đình, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Bà và ông M đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lý Nhật H, sinh ngày 23/12/2013. Bà đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Huy. Khi toà giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ H và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 Bản sao khai sinh con chung; Căn cước công dân của nguyên đơn; sổ hộ khẩu (sao y) của nguyên đơn, bị đơn.

Ông Lý Văn M đã được Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà ông M vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Lý Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T với ông Lý Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2017, ngày 28/02/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông M là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do ông M không có trách nhiệm chăm lo gia đình, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Bà và ông M đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng và mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Ông M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Tím với ông Mạnh không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lý Nhật H, sinh ngày 23/12/2013. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ H, xét thấy cần giao trẻ H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, Toà án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có, Tòa không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lý Văn M. Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2017, ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà T, ông M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lý Nhật H, sinh ngày 23/12/2013. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, Tòa án không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có, Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0020317 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí phí dân sự dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Vĩnh Hoà Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan